

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH TÙY SỞ DIỄN NGHĨA SAO

QUYỂN 21

Từ đây trở xuống là phần thứ hai nói về Tám Bộ chúng.

- Số từ câu: “Vật thì sầu lo, vui mừng của thế gian sinh ở nơi lợi hại” tiếp xuống: Phần trên là giải thích rõ về văn của kinh. Đoạn này mở đi là ngầm chọn lấy ý của kinh. Nêu lên sự lo sầu, vui mừng ở đời là để so sánh với sự an lạc xuất thế. Đoạn này tức là văn nơi sách Chu Dịch, phần Hệ Từ, chương mười hai, nhưng đã đảo lại để sử dụng. Trước là nêu văn nơi Chu Dịch. Dịch viết: “Cứng mềm (các hào dương, âm) lẫn lộn với nhau, do đó mà biết được lành dữ. Biến động lấy lợi mà nói” (Cương như tạp cư nhi cát hung khả kiến lữ hỉ biến động dĩ lợi ngôn).

Chú giải: Biến mà thông suốt nhờ đấy mới tận cùng nẻo lợi.

Dịch viết: “Lành dữ tùy ở tình người mà đời đổi”.

Chú giải: Lành dữ không cố định, chỉ ở chỗ hành động nơi con người. Tình thuận theo lý do đấy mà lành. Tình trái ngược với đạo do đấy là tạo nên dữ. Cho nên nói: “Lành dữ tùy ở tình người mà đời đổi”.

Dịch viết: “Cho nên yêu ghét xung đột nhau mà sinh ra lành dữ” tức hiện tại, nơi bản Sở giải viết: “Lành dữ hiện có ngay nơi yêu ghét” tức yêu ghét là nhân của lành dữ.

Dịch viết: “Xa gần tranh giành nhau mà sinh ra hối tiếc, thật giả cùng đối đãi nhau mà sinh ra lợi hại”, tức là văn nơi bản Sở giải nêu: “Lo sầu, vui mừng hiện có ngay nơi lợi hại. Lợi hại hiện có ngay nơi thật giả”. Tức thật giả là nhân của lợi hại. Cho nên phần chú giải viết: “Thật dùng để cảm hóa nơi vật thì được có lợi. Giả dùng để cảm hóa vật thì chỉ gây ra hại. Tức có lo, vui, nên lợi hại là nhân của lo vui. Vì thế đã dẫn Dịch nói: “Xa gần cùng tranh giành nhau mà sinh ra hối tiếc”. Ý cho rằng: “Cùng tranh giành, cùng hỗ trợ, thuận hợp thì vui mừng, trái ngược thì lo sầu. Thuận hợp thì là lợi, trái ngược thì là hại.

Lại nữa, phần tiếp theo Dịch viết: “Tóm lại, cái tình tả trong Dịch, gần nhau mà không tương đắc thì là dữ. Hoặc gây tổn hại, hối và tiếc”. Nay vì thứ lớp của chỗ thuận nghịch, nên chẳng thuận theo thứ tự của văn nơi bản Số giải. Chỉ hiểu văn của dịch thì văn nơi bản Số giải tự rõ.

Từ câu: “Yêu ghét dứt sạch” tiếp xuống: Là nêu rõ lý do của việc dứt trừ lành dữ, lo, vui. Sách Chu Dịch tuy không có văn nhưng vẫn là ý từ gốc của Dịch. Tức biết rõ không lo, không vui mới là sự an lạc đích thực.

- Số câu: “Mây từ bi phủ che khắp thì tài cùng bất tài (gỗ dùng được gỗ chẳng dùng được) đều được mát mẻ, mưa tuệ thấm nhuần lan rộng thì tất cả cỏ cây cùng được sinh sôi”: Câu trên là dựa theo sách của Trang Tử. Câu dưới là dựa theo kinh Pháp Hoa.

Gỗ dùng được thì có thể làm cột chính, xà nhà, thành loại cây gỗ quý. Gỗ chẳng dùng được thì không làm nên cái gì cả. Sách Nam Hoa Kinh của Trang Tử, phần Ngoại Thiên, Thiên Sơn Mộc chép: “Trang tử đi trên núi, thấy một cây lớn, cành lá rậm rạp. Người thợ đốn cây đứng một bên mà không đốn. Hỏi duyên cớ thì thưa: Cây này chẳng dùng đặng chỗ nào cả! Trang Tử nói: “Cây này vì bất tài mà được hưởng tận tuổi trời”.

Ra khỏi núi, Trang Tử ghé nghỉ nơi nhà người quen. Chủ nhà mừng rỡ, hối trẻ giết nạn để đãi khách. Trẻ thưa: Một con biết gáy, một con không biết gáy. Vậy nên giết con nào? Chủ nhân bảo: Giết con không biết gáy.

Hôm sau đệ tử hỏi Trang Tử:

Hôm qua, cái cây trong núi, nhờ “bất tài mà sống tận được tuổi trời. Nay con nạn của chủ nhân, do vì “bất tài” mà bị chết. Như thế ở vào địa vị của thầy thì phải xử ra sao?

Trang Tử cười nói:

Ta thì lại xử vào khoảng giữa của tài và bất tài...” (Dựa theo bản dịch của Nguyễn Duy Cần).

Tuy nhiên, lời nói “tài cùng bất tài” tuy ở nơi sách của Trang Tử mà ý cũng đã có nơi kinh Pháp Hoa. Kinh Pháp Hoa quyển thứ ba có đoạn: “Ta xem tất cả chúng sinh đều bình đẳng không có tâm phân biệt đây kia, yêu ghét. Ta không hề tham đắm, cũng không bị ngăn ngại, hạn chế, luôn vì hết thảy chúng sinh thuyết pháp bình đẳng...” cho đến nói: “Sang hèn, trên dưới, giữ giới, phá giới, uy đầy đủ cũng chẳng đầy đủ, chánh kiến, tà kiến, căn trí lanh lẹ, căn trí ám độn. Đều cùng tuôn

xuống cơn mưa pháp không hề biết mệt mỏi, biếng trễ”, tức “tài cùng bất tài đều được mát mẻ.

Nói: “Ba thứ cỏ” tức cỏ thuốc loại kém, loại vừa, loại tốt. “Hai cây” tức cây nhỏ và cây lớn. Do thừa trời, người (Nhân thiên thừa) được xem như thứ cỏ thuốc loại kém. Kinh nói: “Hoặc ở nơi cõi Trời, Người, làm các bậc Chuyển luân Thánh vương, Đế Thích, Phạm Thiên là thứ cỏ thuốc loại kém”. Hàng Nhị thừa được xem là thứ thuốc loại vừa. Kinh viết: “Biết rõ về pháp vô lậu, đạt đến Niết-bàn, khởi sáu thần thông, đạt ba minh. Hoặc ở riêng nơi rừng núi thường thực hiện thiền định, chứng đắc bậc Duyên giác, là thứ cỏ thuốc loại vừa”. Bồ tát là loại cỏ thuốc bậc nhất. Kinh nói: “Cầu đạt đến nơi chốn của Thế Tôn, con nguyện làm Phật, hành tinh tấn, thiền định, là thứ cỏ thuốc loại tốt”. Đây là nói chung về Đại thừa, vì Đại thừa là tối thượng. Từ địa thứ nhất trở lên, tâm từ rộng mở. Lại nói đến hai cây: Từ bảy địa trở về trước là cây nhỏ. Kinh viết: “Lại nữa, các Phật tử hết lòng tu tập theo Phật đạo luôn thực hành từ bi, tự biết con đường làm Phật, quyết định không còn nghi ngờ. Đó gọi là “cây nhỏ”. Tám địa trở lên là “cây lớn”. Kinh nêu rõ: “An trụ nơi thần thông, chuyển pháp luân không thối chuyển, hóa độ vô lượng ức trăm ngàn chúng sinh. Bồ tát hành hóa như thế gọi là “cây lớn”.

Mà nói: “Cùng được sinh sôi”, tức như kinh nói: “Phật thuyết giảng một cách bình đẳng, như nước mưa chỉ là một vị, tùy theo căn tính của chúng sinh mà chỗ thọ nhận chẳng giống nhau. Như đám cỏ, cây kia theo chỗ thọ nhận nước mưa mỗi loài sinh trưởng đều khác”.

- Sở từ câu: “Chân đi, bóng che... hoặc ở cảnh khổ của các chúng sinh nơi cõi thấp kém, thấy được dấu chân Phật thì thân tâm được an lạc trong bảy ngày”: Kinh Đại Niết-bàn quyển thứ hai mươi tám, nói về trường hợp con chim bồ câu bị thợ săn đuổi bắt nên kinh sợ, chạy đến nơi bóng của Tôn giả Xá-lợi-phất vẫn còn kinh hãi, chùng đến nơi bóng của Phật thì mới an ổn hết sợ. Đức Thế Tôn bước đi, bàn chân cách mặt đất bốn ngón tay, các loài sâu bọ nơi đất bên dưới bàn chân Phật bước qua đều được sinh lên cõi trời, ở nơi chỗ của Như Lai vun trồng một ít thiện căn, như có được pháp tối thắng đạt đến Niết-bàn.

- Sở câu: “Lại nữa, dùng tổng quát về ý của kệ”: Tức Phần sơ giải trên đã phối hợp riêng về ba câu kệ xong. Nay, dùng chung ba câu ấy để giải thích câu “Nhân quả thứ lớp thành tựu”, ba câu kệ là:

“Phật thân thanh tịnh, giai lạc kiến

Năng sinh thế gian vô tận lạc

Giải thoát, nhân quả thứ đệ thành”.
(Thân Phật thanh tịnh đều ưa thấy
Phát sinh vô tận lạc thế gian
Giải thoát, nhân quả thứ lớp thành).

Có năm đôi nhân-quả:

Một: Lấy bốn chữ trên của câu đầu (Phật thân thanh tịnh) làm Nhân. Lấy hai chữ đầu của câu thứ ba (Giải thoát) làm quả. Do thân Phật thanh tịnh nên khiến chúng sinh được giải thoát.

Hai: Lấy hai chữ đầu của câu ba (Giải thoát) làm Nhân. Cả câu thứ hai (Năng sinh thế gian vô tận lạc) làm quả. Đây là tác dụng từ chỗ giải thoát của Như Lai, khiến cho chúng sinh được an lạc. Một, hai là đôi thứ nhất.

Ba: Từ câu: “An lạc vô tận nơi thế gian” tiếp xuống: Lấy cả hai câu (Năng sinh thế gian vô tận lạc) làm Nhân. Hai chữ đầu của câu ba (Giải thoát) làm quả. Do sự an lạc nơi thế gian là Nhân, sự an lạc, giải thoát xuất thế gian là quả.

Bốn: Dùng hai chữ Giải thoát nơi câu thứ ba làm Nhân. Bốn chữ đầu nơi câu thứ nhất (Phật thân thanh tịnh) là quả. Tức Phật chứng đắc Giải thoát, lìa mọi chướng ngại, mới có thể dấy khởi diệu dụng lớn mà hiện thân thanh tịnh.

Ba, bốn là một đôi (thứ hai).

Năm: Từ câu: “Lại nữa, thân Phật thanh tịnh” tiếp xuống: Chỉ dựa nơi câu đầu (Phật thân thanh tịnh giai lạc kiến) tự phân ra nhân quả: Bốn chữ trước là nhân (Phật thân thanh tịnh), ba chữ sau (Giai lạc kiến) là quả. Do thân Phật thanh tịnh khiến cho muôn loài ưa thích nhìn thấy không biết chán.

Sáu: Lại dùng ba chữ sau nơi câu đầu (Giai lạc kiến) làm Nhân. Bốn chữ trước của quả (Phật thân thanh tịnh). Do muốn loài ưa thấy nên tự cảm ứng thân thanh tịnh. Lại nữa, chúng sinh nếu ưa nhìn thấy thì thân thanh tịnh có quả. Còn nếu chẳng ưa nhìn thấy thì thân thanh tịnh không có quả. Tức lấy lợi tha làm quả.

Năm, sáu là đôi thứ ba.

Bảy: Từ câu: “Chúng sinh ưa nhìn thấy” tiếp xuống: Là lấy ba chữ sau của câu một (Giai lạc kiến) làm Nhân. Cả câu thứ hai của quả (Năng sinh thế gian vô tận lạc). Do ưa thích nhìn thấy Phật, nên cả cõi trời, người luôn thọ nhận an lạc.

Tám: Dùng câu thứ hai (Năng sinh thế gian vô tận lạc) làm Nhân, ba chữ sau nơi câu một (Giai lạc kiến) là quả, ưa thấy, nếu đạt được an

lạc thì sự ưa nhìn thấy ấy có quả. Ưa nhìn thấy nếu không có an lạc thì sự ưa nhìn thấy đó không có Quả.

Bảy, Tám là đôi thứ tư.

Chín: Từ Câu: “An lạc vô tận” tiếp xuống: Dùng toàn câu thứ hai (Năng sinh thế gian vô tận lạc) làm Nhân. Lấy bốn chữ trước của câu một (Phật thân thanh tịnh) làm Quả, do tạo được sự an lạc vô tận nơi thế gian, nên rốt cuộc đạt được thân thanh tịnh.

Mười: Câu: “Có thể ứng hiện nghiệp thanh tịnh là quả vô tận” tức dùng ba chữ sau trong câu hai (Vô tận lạc) làm Nhân, bốn chữ đầu của câu một (Phật thân thanh tịnh) làm Quả. Nghĩa là an lạc vô tận tức sự an lạc của Niết-bàn. An trụ nơi Niết-bàn, có thể tạo lập sự việc lớn, theo phương tiện hiện thân thanh tịnh, do đó mới có Thân thanh tịnh, là quả của sự an lạc vô tận.

Chín, Mười là đôi thứ Năm.

Phần giải thích ở trên nói: “Cuối cùng đạt được Niết-bàn là sự an lạc vô tận”, thì “an lạc vô tận” có hai thứ:

1. Tức an lạc xuất thế như đã biện minh ở trên.
2. Là dùng luôn một câu, tức sự an lạc vô tận ở thế gian.

Như Thuần Đà cúng dường Phật (Kinh Đại Bát Niết-bàn) được quả báo vô tận, là căn cứ nơi thế gian mà nói vô tận.

Câu tóm kết nói: “Lần lượt như thế” tức là lần lượt cùng thành tựu.

- Số câu: “Dục là gốc của khổ” Kinh Pháp Hoa có câu: “Nhân của các khổ, tham dục là gốc”.

- Số câu: Câu tiếp theo làm rõ cùng với ánh sáng của chớp”: Tức như phần sau của kinh nói: “Thông minh, vô úy, dùng làm ánh sáng của sấm chớp”, nghĩa là mười thông, mười minh, mười vô úy đều gọi là “ánh sáng của sấm chớp”. Cho nên cho là “phương tiện”.

- Số câu: Tiếng sấm của viên âm, có thể theo đấy mà suy xét”: Nghĩa là tiếng sấm vang động cả hàng trăm dặm (nghĩa là thứ nhất của tiếng sấm) nay thì biến hiện khắp cả pháp giới. Nghĩa thứ hai là phát sinh. Thế nào là phát? Hết lòng gắn bó với hương vị Thiên, dấy khởi công dụng lớn như là sự phát động của đám côn trùng Ấn nấu trong đất qua mùa đông. Thế nào là sinh? Là khiến cho thiện căn nơi các chúng sinh được nảy mầm, chưa sinh thì khiến cho sinh.

- Số câu: “Tự nhiên Triều, Tông:” Tức là trăm sông đều hướng về biển. Như muôn nước đều quy về triều cống. Kinh lễ nói: “Yết kiến vào mùa xuân thì gọi là Triều, yết kiến vào mùa hạ thì gọi là Tông”.

- Sở câu: “Các Rồng đều có bốn thứ khổ não:” Về bốn thứ khổ não của các loài Rồng, kinh luận nêu dẫn không đồng. Theo kinh Bát Nhã nói như Long vương A-na Bà-đạt-đa, đối với ba thứ khổ hoạn thủy đều xa lìa:

1. Cát nóng không phủ lên đầu
2. Không dùng thân rắn để hành dục.
3. Không có nỗi sợ đối với loài chim Ca-lâu-la.

Đây là dụ phát tâm Bồ-đề xa lìa mọi nẻo ác nơi ba cõi. Văn nơi bản Sở giải nói đến bốn thứ khổ hoạn của loài rồng:

Một: Khổ vì bị loài chim cánh vàng ăn thịt.

Hai: Khổ vì lúc hành dục bị trở lại với thân tướng gốc của mình.

Ba: Khổ vì phải mang lớp vảy dày để ngăn chặn loài sâu bọ nhỏ.

Bốn: Khổ vì bị cát nóng phủ lên thân.

Có chỗ nói đến bốn thứ khổ hoạn này không có loại thứ ba, nhưng có nói đến nỗi khổ vì bị gió thổi mạnh, y phục quý giá tốc lên, thân tướng lộ ra...

- Sở từ câu: “Thứ tư là Dạ xoa vương” tiếp xuống: Tức phần nói về bộ chúng Dạ xoa. Mười đoạn trước thì cả văn xuôi và kệ tụng đều có giải thích. Từ đoạn mười một trở đi thì chỉ chọn lấy phần khó để giải thích. Từ đây trở xuống phần nhiều không giải thích kệ. Trường hợp có kệ khó hiểu thì dẫn rộng phần giải thích văn xuôi, người đọc sẽ tự đối chiếu để lãnh hội.

- Sở câu: “An trụ nơi đường chính, tức chẳng phân biệt đây là tà đây là chánh:” Tức là kinh Tịnh Danh, phẩm vào pháp môn Bất nhị, là lời bài tổ của Bồ tát Chu Đỉnh Vương.

- Sở câu: Đối với người tốt thì dùng điều tốt đáp lại: Là mượn lời từ sách Đạo Đức Kinh của Lão tử: “đối với người tốt, ta đối đãi tốt. Đối với người không tốt, ta cũng đối xử tốt với họ” (Đạo Đức Kinh chương bốn mươi chín).

- Sở câu: “Nghe điều sâu xa không kinh sợ”: Tức nói tổng quát về nghĩa sâu xa, đó là không. Nghe nói về Không, thì cho là đồng với đoạn diệt nên khiến người kinh sợ. Kinh Đại phẩm nêu rõ: “Đã chẳng phải là trước Có, cũng chẳng phải là sau Không, mà là tự tánh luôn không, chớ sinh kinh hãi.

Câu: “Nghe điều cạn cợt chẳng nghi ngờ”: Cạn cợt là chỉ cho tiếp cận với sự việc theo nhiều nên phương tiện, nên khiến sinh nghi hoặc. Nay đã rõ là tùy thuận thì chỗ nghi sao còn? “Nghe điều chẳng phải sâu chẳng phải cạn” thì nghi là không có căn cứ, khiến thân tâm mờ mịt,

hoang mang. Nay đã rõ “chẳng phải sâu xa”, là Diệu hữu “chẳng phải cạn” là Chân không, lia bỏ tướng về thân tâm mới là dũng mãnh, có thể tạo được cảnh giới như thế.

Lại nữa, ba câu cũng là ba Quán: Câu đầu (nghe điều sâu xa...) là quán về không, câu thứ hai quán về Giả. Câu sau là quán về Trung đạo. Ba câu cùng nghe, một niệm đều thông tỏ.

- Số câu: Bảy là thành trì có ba nghĩa “: Văn nơi bản Số giải có hai ý:

1. Giải thích nghĩa thành trì qua văn xuôi.

2. Từ câu: “Có nhiều nghĩa như vậy” tiếp xuống: Là lãnh hội phần kệ tụng.

Trong phần một gồm ba:

Thứ nhất: Nêu rõ ba nghĩa của thành trì. Ba nghĩa là: Ngăn chặn kẻ địch từ bên ngoài. Nuôi dưỡng dân chúng. Mở cửa để dẫn dắt.

Thứ hai: Từ câu: “Nay nói thành pháp” tiếp xuống: Là nêu ra Thể của thành.

Thứ ba: Từ câu: “Đều có ba nghĩa” tiếp xuống: Là giải thích riêng về bốn chi tiết của “thành pháp”: Giáo, lý, hành, quả. Mỗi thứ đều có ba nghĩa của Thành như “ngăn chặn kẻ địch bên ngoài” v.v... Nhưng bốn pháp mà chỉ có ba giải thích, là do Lý, Hành được giải thích kết hợp:

Chẳng phải là Lý thì chẳng hiển bày Hành. Chẳng phải là Hành thì không làm rõ được Lý. Cho nên câu thứ nhất: Nếu rõ Tánh không của “Thành trì tâm” thì các thứ hoặc nào chẳng xâm nhập”. Tức là nghĩa một: Ngăn chặn kẻ địch bên ngoài. Tánh Không là Lý. Nghĩa là tự tánh nơi tâm Thanh tịnh, không cùng với vọng kết hợp tức là Lý ngăn chặn kẻ địch bên ngoài. Rõ về Không tức Hành “các Hoặc phiền não chẳng thể xâm nhập” tức Hành làm thành trì, gọi là “ngăn chặn kẻ địch bên ngoài”.

- Số câu: Câu: “Thấy hằng hà sa số tánh đức thì muôn hạnh liền tăng”: Tức là nghĩa thứ hai của Thành. “Nuôi dưỡng dân chúng”. Hằng hà sa số tánh đức là Tạng chẳng Không, là chỗ nuôi dưỡng của Lý. Thấy tức Thể của Hành. Muôn hạnh liền tăng trưởng tức là thực hành nghĩa nuôi dưỡng dân chúng, do biết rõ tánh của các pháp vốn vắng lặng, có định, tuệ v.v...

- Số câu: “Đạo không đâu thì không thông hợp thì tự lợi và lợi tha thân tóm dẫn dắt”: Là nói về nghĩa thứ ba của Thành: “Mở cửa để dẫn dắt”.

Nói: “Đạo không đâu là không thông hợp” bao gồm hai ý:

Một: “Lý tức là đạo, không gì là không thông hợp. Tức mở cửa để thông hợp dẫn dắt”.

Hai: Hành khế hợp nơi đạo tức không chỗ nào mà chẳng thông tỏ, nên có khả năng thấu dẫn dắt hành của hai lợi (tự lợi, lợi tha).

- Sở từ câu: “Liên có thể khế hợp nơi Quả” tiếp xuống: Là phần hai, căn cứ nơi quả theo “Thành pháp” để nói về ba nghĩa (Phần một là căn cứ nơi Lý Hành). Quả do Lý, Hành tạo nên, do đấy nói “Liên có thể”, tức là khế hợp với ba đức của quả vị, là ba nghĩa của Thành Niết-bàn (Pháp thân, Bát-nhã, Giải thoát).

- Sở từ câu: “Mới hiển bày Giáo nơi “Thành pháp” tiếp xuống: Là phần ba, căn cứ nơi Giáo. Do ba nghĩa của Thành nêu trên đều nhân nơi Năng thuyên nên mới hiển bày công dụng của Giáo. Ba nghĩa có thể theo đấy mà xét.

- Sở từ câu: “Có nhiều nghĩa như thế” tiếp xuống: Là phần thứ hai, lãnh hội về kệ tụng (Phần thứ nhất là giải thích về Thành).

Nói “Lớp lớp bốn môn”: Như “Lớp thứ nhất với bốn luận chứng” là:

- Môn có.
- Môn không.
- Môn cũng có cũng không.
- Môn chẳng phải là có, chẳng phải là không.

Thiên Thai Tông đem bốn luận chứng này lần lượt phối với bốn giáo (tạng, Thông, Biện, Viên) thì có bốn thứ (loại) bốn môn. Tóm lược như trong Huyền đàm trước đã nói.

Nay tạm dựa vào ở trong một lớp bốn Luận chứng (Tứ cú) lại có bốn lớp bốn môn. Nhưng chấp nhận thành kiến thủ thì thành bốn thứ phỉ báng. Thủ đắc về ý là Môn. Nay chọn lấy nghĩa Môn để nói. Bốn môn là:

Môn thứ nhất: Là bốn luận chứng đơn, như trên đã nói.

Môn thứ hai: Là bốn luận chứng kép:

Một: Có có, có không.

Hai: Không có, không không.

Ba: Cũng có có, có không. Cũng không có, không không.

Bốn: Chẳng phải là có-có, có không. Chẳng phải là không có, không không.

Mà gọi là “Kép” tức là trong bốn Luận chứng đều nói về có không.

Môn thứ Ba: Gồm đủ bốn luận chứng: Tức trong bốn luận chứng

đều gồm đủ bốn (có, không, cũng câu (Luận chứng). Tức là: Câu thứ nhất về có gồm đủ bốn: 1. Có có, 2. Có không, 3. Cũng có cũng không, 4. Có chẳng phải có, chẳng phải không. Câu thứ hai về không gồm đủ bốn: 1. Không có, 2. Không không, 3. Không cũng có cũng không, 4. Không chẳng phải có, chẳng phải không. Câu thứ ba về cũng có cũng không gồm đủ bốn: 1. Cũng có cũng không có, 2. Cũng có cũng không không, 3. Cũng có cũng không có, cũng có cũng không không, 4. Cũng chẳng phải có chẳng phải không có; cũng chẳng phải không chẳng phải không không. Câu thứ tư về chẳng phải có chẳng phải không gồm đủ bốn: 1. Chẳng phải có chẳng phải không có, 2. Chẳng phải có chẳng phải không không, 3. Cũng chẳng phải có chẳng phải không có; cũng chẳng phải có chẳng phải không không, 4. Chẳng phải là chẳng có chẳng phải không có; chẳng phải là chẳng phải có chẳng phải không không.

Môn thứ tư: là bốn câu tuyệt dứt ngôn từ. Là tuyệt dứt Luận chứng đơn, kép, gồm đủ (môn thứ nhất, hai, và ba). Nếu giải thích theo Kiến giải thì bốn kiến giải trên, mỗi thứ có tám mươi tám sử tương ứng kiến giải này tức của ngoại đạo. Nếu giải thích theo Phật pháp trải qua bốn giáo, bốn môn lại mỗi thứ sanh ra bốn kiến một loại bốn câu là một tuyệt dứt ngôn từ. Như vậy mỗi môn có tám mươi tám sử, sáu mươi hai kiến, một trăm lẻ tám Hoặc v.v... Nếu phá một kiến thì thành tựu một môn, cứ thế tuần tự mà thành lớp lớp bốn môn.

Một: Ngoài bốn luận chứng đơn thấy dứt tuyệt ngôn từ.

Hai: Ngoài bốn luận chứng kép thấy dứt tuyệt ngôn từ... (lược).

Câu: “Lại lớp lớp”: Như một môn có - không thì gồm đủ bốn luận chứng, tức trải qua thường, vô thường, ngã, vô ngã v.v... Cũng có nhiều bốn luận chứng, tức như:

1. Có vô thường.
2. Không vô thường.
3. Cũng có cũng không vô thường.

Chẳng phải là có chẳng phải là không vô thường.

Lại trải qua muôn hạnh như Bồ thí v.v... Như nói:

Một: Có bồ thí.

Hai: Không bồ thí.

Ba: Cũng có cũng không bồ thí.

Bốn: Chẳng phải là có chẳng phải là không bồ thí.

- Sở câu: “Lại có một Hành là Hành của Như Lai”: Tức là kinh Đại Bát Niết-bàn, quyển thứ mười một đã nêu, đến phần sau sẽ dẫn.

- Sở câu: “Như Thi Tỳ cứu mạng chim bồ câu v.v...” Tức nơi Trí luận quyển thứ năm cùng kinh Báo Ân, đều là phần “Bản hạnh” của đức Bổn sư, như chỗ thường biết.

- Từ đây trở xuống là phần thứ ba nói về các thần.

- Sở câu: “Trí rõ về tâm của muôn vật như “Không” hội nhập sắc” Là chọn lấy ý nơi phần kệ tiếp dưới. Trong kệ nói: Như hư không” (Phật trí như không vô hữu tận) là lời của dụ về chỗ sáng tỏ soi chiếu (Quang minh), kết hợp cả pháp dụ. Phần còn lại đều là pháp. Pháp, dụ cùng đối nhau, tóm lược có ba nhập.

Một: Dùng trí Phật của câu đầu (Phật trí như không vô hữu tận) làm chủ thể hội nhập. “Tâm thành của chúng sinh nơi câu ba (Chúng sinh tâm hành tất liễu tri) làm đối tượng được hội nhập. Hội nhập có nghĩa là thấu đạt, thông tỏ. Cho nên Kinh Hoa Nghiêm, quyển tám mươi có đoạn:

*“Trí Phật rộng lớn đồng hư không
Hiện khắp tất cả tâm chúng sinh
Thấy rõ mọi vọng tưởng thế gian
Chẳng dấy khởi bao thứ phân biệt”.*

Đây tức là “Trí rõ về tâm của muôn vật”.

Nói: “Như” không “hội nhập sắc”: Tức như Phẩm Xuất Hiện viết: “Ví như hư không hiện khắp đến các cõi Sắc, chẳng phải Sắc”.

Hai: Nói: “Thân cõi tỏa chiếu như mặt trời hợp với hư không” tức là dùng chữ Quang minh của câu kệ thứ hai (Quang minh chiếu diệu biến thập phương) làm chủ thể hội nhập. Câu thứ tư (Nhất thiết thế gian vô bất nhập) là đối tượng được hội nhập.

“Nhất thiết thế gian” tức là thế gian của chúng sinh và khí thế gian. Cho nên gọi là “Thân cõi tỏa chiếu”. Tức dùng dụ về hư không nêu trên làm đối tượng được hội nhập. Dùng Quang minh nơi Pháp, dụ nêu trên để làm chủ thể hội nhập. Ánh sáng (Quang) thì chung cho hai thứ: Ánh sáng của thân thì soi chiếu về sự. Ánh sáng của Trí thì cùng soi, chiếu cả Sự, lý.

Ba: “Trong cõi, thân biến hiện khắp, như hình tượng nơi gương”: Tức chỉ dùng câu kệ thứ tư (Nhất thiết thế gian vô bất nhập) tự có cả chủ thể và đối tượng. Tức “Vô bất nhập” (không gì là không hội nhập) là chung cho ba thứ hội nhập:

- Ánh sáng hội nhập
- Trí hội nhập, như trên đã nêu.
- Thân hội nhập.

Chỉ nói “không gì là không hội”, không phân biệt thân hội nhập. Mà gọi là: “Như hình tượng nơi gương”, tức đem cái dụ như hư không biến hiện khắp đã nêu trên mà dụ ở đây thì cũng hợp. Nay lại nêu thêm ra một dụ để dụ về thân hội nhập. Vật thật đối nơi gương, trong gương thấy hình tượng. Tượng là hình tượng được giữ lại. Cơ duyên tạo cảm đối nơi cõi thì trong cõi thấy Phật. Phật là Phật của tâm.

Từ câu: “Diệu lực chủ thế gian” tiếp xuống: Trên là nói về đức của Phật. Ở đây thì tóm để quy về các thân. Cho nên viết là: “Có thể thân tóm thân ấy”. Từ câu: “Tánh của thân ấy sánh cùng với thế gian” tiếp xuống là làm sáng tỏ lý do của sự hội nhập. Tức trí thân, sắc thân đều sinh cùng với thế gian. Luận viết: “Tánh của Trí, tánh của sắc đều là tướng tức”.

Câu: “Đều hội nhập, xem rõ về căn cơ” là nêu rõ ý của sự hội nhập, cùng giải thích chữ “phổ” (hội nhập khắp), để tóm kết quy về phần văn xuôi.

Từ câu: “Nơi chốn của đối tượng được hội nhập” tiếp xuống: Là kết thúc để quy về tên gọi của vị thân. Sở dĩ phải nhấn mạnh chỗ tóm kết là do khó nhận thấy.

- Sở câu: “Đâu là tùy duyên của pháp thân chẳng phải là có”... Ý này đến quyển thứ năm (Kinh Hoa Nghiêm) sẽ giải thích.

- Sở câu: “Mười là, có sự nhận biết về đức, hành” Tức như sách Mao Thi chú giải: “Nhận biết” (giác) là rộng lớn.

- Sở câu: “Hang đá chỉ giữ lại ảnh mà tâm của Rồng độc đã biến đổi”. Chữ “cách” (trong câu: Độc long cách tâm) nghĩa là biến đổi. Đây thuộc về Kinh “Quán Phật Tam muội hải”. Sự việc này rất dài, nay chỉ tóm lược về ý. Tức nơi quyển thứ bảy của kinh, Phật nói với Tôn giả Anan: “Như Lai đến nước Na-càn-ha-la, là chỗ dừng chân của các bậc tiên thời xưa, bên rừng hoa Chiêm Bạc có ao nước Rồng độc ở đấy, suối có hoa sen xanh, phía bắc hang đá La-sát, phía nam núi Na-la-tư. Bấy giờ nơi hang đá kia có năm La-sát, hóa làm long nữ, cùng với Rồng độc kia thông dâm. Rồng lại tuôn xuống mưa đá, đám La-sát lại lộng hành, gây ra cảnh đói khát, bệnh tật kéo dài hơn bốn năm trời. Lúc này, nhà Vua vô cùng kinh hãi, cầu đảo đủ thứ nhưng đều vô ích...” đoạn tiếp theo chỉ nêu dẫn ý. “Có một vị Phạm chí tán dương về công đức của Phật. Nhà vua tin theo nên đốt hương, từ xa thỉnh cầu Như Lai. Như Lai nhận lời thỉnh cầu của vua nước Na-càn-ha-la là Phất Ba-phù-đề, nên hiện rõ thân thông biến hóa. La-sát cùng Rồng độc đã nhận được sự hóa độ của Phật xong, khi ấy Long vương quỳ mọp, chấp tay cung

kính khuyến thỉnh đức Thế Tôn: “Kính mong đức Như Lai luôn an trụ nơi chốn này. Nếu không có Phật ở đây, chúng con dấy khởi tâm ác thì không nhờ vào đâu mà thành tựu đạo quả Bồ đề vô thượng”. Đức Thế Tôn không lia nơi hang của Rong, lại nhận lời thỉnh cầu của nhà Vua vào thành vua để giáo hóa, đi đến các nơi vốn là chốn Phật từng hành trì đạo Bồ tát của mình vào thời xa xưa, các Rong khi nghe tin Phật sắp trở lại chỗ cũ thấy đều khóc lóc, thưa: “Thưa đức Thế Tôn! Xin Phật luôn trụ ở đây, vì sao lại bỏ chúng con? Chúng con không được thấy Phật, sẽ tạo việc ác, ắt phải bị đọa vào cõi ác”. Bấy giờ đức Thế Tôn an ủi Long vương: Ta thọ nhận lời thỉnh cầu của ông, Thế tôn tọa nơi trú xứ của ông một ngàn năm trăm năm. Phật Thích ca Văn liền phóng thân nhập vào vách đá. Cũng như gương sáng, người soi thấy rõ ảnh của mặt mình. Các Rong đều thấy Phật ở trong vách đá, ảnh hiện ra bên ngoài. Lúc này các Rong đều chấp tay cung kính, vui mừng, không đi ra ngoài ao nước ấy, vì luôn được thấy Phật. Bấy giờ đức an tọa theo lối kiết già ở bên trong vách đá. Chúng sinh khi thấy từ xa hương tới thì thấy, đến gần thì chẳng còn hiện ra. Trăm ngàn lần chư thiên cúng dường ảnh Phật, ảnh Phật cũng thuyết pháp. Khi đó Phạm Thiên vương chấp tay cung kính đọc lời kệ:

*“Như Lai ở trong hang đá
Phóng thân nhập trong đá
Như mặt trời tự tại
Đủ tương ánh sáng vàng
Con nay đầu mặt lễ
Bậc Thế Tôn Mâu Ni”.*

Văn nơi kinh còn nói đến nhiều chi tiết... Sách “Quảng Hoàng Minh Tập” (của Đại sư Đạo Tuyên 596-667) nói Đạo sư Tuệ Viễn có bài tán về ảnh đá này, nêu về xứ sở so với văn nơi kinh hoàn toàn giống (Lược bớt).

- Sở câu: “Người đời không ai là không có chỗ khởi đầu”: Gốc tức nơi sách Mao Thi Vương Chú. Sách Chu Dịch cũng dùng lời này (Nguyên văn: Thế nhân mĩ bất hữu sơ, tiền khắc hữu chung). Mĩ là không, tiền là ít, khắc là có thể đạt được.

- Sở câu: Người đời đem người theo dục”: sách Thượng thư có câu: “Kể tiểu nhân đem người theo dục. Người quân tử thì khiến dục theo người”. Nói “Chẳng thể gồm thân cả không” (bất năng kiêm vong). Vong là không. Nhưng hai chữ kiêm vong gắn liền nhau. Tức là ý nơi sách của Trang tử, mà chữ vong ở đấy có bộ tâm. Tức quên hẳn tưởng

về ta, người, không cậy nơi công đức của mình. Nay nói: “Gồm luôn nơi người không thấy đạo pháp”.

- Sở câu: “Bốn nghĩa có không bao hàm cả năm pháp”: Bốn nghĩa tức vô sinh v.v... năm pháp tức danh v.v... Nay trước sẽ giải thích năm pháp. Sau dung hợp với văn nơi bản Sở giải.

Về năm pháp các kinh, luận đều nêu đầy đủ. Theo kinh Lăng Già thì năm pháp là: Danh, Tướng, Vọng tưởng, Chánh trí, và Như như. Còn như luận Du Già quyển bảy mươi hai thì thứ tự của năm pháp là: Tướng, danh, Phân biệt, Chân như, và Chánh Trí.

Phân biệt là tên gọi khác của Vọng tưởng, Tướng là chỗ bàn luận về nơi chốn, sự việc an đủ. Danh tức là sở hữu nơi Tướng, tăng ngữ phân biệt tức là mọi Tâm, Tâm sở hiện có trong sự vận hành của ba cõi. Chân như là pháp vô vi. Dứt sạch ngã sở thì hiển bày chỗ hành hóa của Thánh trí, chẳng phải là tất cả chỗ bàn về nơi chốn, sự việc an đủ. Chánh trí thì tóm lược có hai thứ:

Một: Chỉ là Chánh trí xuất thế gian.

Hai: Chánh trí gồm cả thế gian và xuất thế gian.

Loại một là Trí Căn bản. Loại hai là Hậu Đắc Trí:

Năm pháp này là Giả, là Thật? Rõ ràng Tướng thì chung cho Giả, Thật, cũng gồm đủ hai có nơi Giả, Thật. Danh thì chỉ là giả có. Phân biệt thì đồng với Tướng, do có pháp thật của Tâm, Tâm sở nơi ba cõi, nên là Thật có. Nếu suy tính theo hư vọng thì là giả có. Chân như thì chỉ thật có. Hai Trí đều thật có.

Năm pháp ấy đối với hai đế thì thuộc thâm tóm của đế nào? Ba pháp trước (Danh, Tướng, Phân biệt) thì Tục đế có. Chân như thì Thắng nghĩa đế có. Căn bản trí thì Thắng nghĩa đế có. Hậu Đắc Trí thì chung cả hai có (Tục đế có, chân đế có).

Năm pháp từ cái gì sanh? Danh thì từ dục sinh. Tướng và Phân biệt thì cùng từ Tướng phân biệt sinh. Chân như từ Không sinh. Trí thì từ nghe hiểu chánh pháp, theo đúng lý tác ý sinh.

Năm pháp này là một hay là khác? Nay sẽ đem Tướng đối chiếu với bốn pháp còn lại để bàn về khác, chẳng khác.

Một: Tướng cùng với Danh khác nhau. Nếu nói là khác thì danh nên thật là Thật có. Nếu cho là chẳng khác thì giữ lấy Tướng nên được Danh.

Hai: Tướng cùng với Phân biệt, nếu khác, thì Phân biệt chẳng phải là Tướng. Nếu nói chẳng khác thì ngoài Phân biệt có Tướng nên dùng Phân biệt làm Tánh.

Ba: Tướng cùng với Chân như, nếu khác thì phần Thắng nghĩa của Tướng chẳng phải là Như. Người hành quán nên bỏ Tướng để cầu Như. Chân như của Chánh giác phải chẳng là tướng giác. Nếu nói chẳng khác, thì chân như không sai biệt, Tướng cũng không sai biệt. Khi đạt được Tướng cũng phải đạt được Chân như, lại khi đạt được Chân như cũng phải đạt được Tướng.

Bốn: Tướng và Chánh trí thì đã nói về Tướng và Phân biệt. Cho nên biết danh và Phân biệt cùng Chánh trí, cùng phân biệt nơi Chánh trí đều phải gọi là khác nhau. Phần còn lại tóm lược có thể nhận biết.

Đã rõ về sự sai biệt của năm pháp Danh, Tướng v.v... Nay sẽ kết hợp nơi văn của bản Sở giải. Trong Sở trước là dùng năm pháp để nối kết câu văn. Sau từ câu: “Mê chấp Chân như, do đấy thành danh, Tướng” tiếp xuống: Là biện giải về nguyên nhân đấy khởi việc thấu tóm dung hợp.

“Nói” Mê chấp nơi Chân như, do đấy thành Danh tướng tức vọng tướng là sinh”: Đây là hiển bày lúc mê lầm thì chỉ có ba pháp: Một là Danh. Hai là Tướng, ba là Vọng tướng. Cho nên năm pháp này bao quát chung cho tất cả, mà chẳng cần phải đồng thời. Tức như Vọng tướng, Chánh trí thì đây ắt chẳng cùng hiện. Như nay có Vọng Tướng thì quyết không có Chánh trí. Còn Như như, Danh, Tướng thì có sự Ẩn giấu, hiển bày. Trong mê lầm thì Như như Ẩn giấu, Danh, Tướng hiển bày.

Tiếp theo nói: “Tổ ngộ được gốc của Danh, Tướng là Như như thì chuyển hóa thành Trí”: Đây là hiển bày khi tổ ngộ thì chỉ có hai pháp: Chánh trí và Như như. Đã có Chánh trí thì quyết không còn Vọng tướng. Thấu đạt Như như thì Danh Tướng Ẩn giấu. Tuy không hủy hoại tướng, mà rõ Thể là không. Lý trù nơi Sự nên không gì là không dứt sạch. Do vậy, trong không chẳng có pháp sắc v.v... Kinh Lăng-Già nói: “Nghĩa là nhận rõ về Danh, Tướng cùng Vọng tướng, Thể của chúng vốn chẳng thể thủ đắc, thì gọi là Chánh trí. Như như tức là Danh, Tướng, Vọng tướng vốn tự chẳng sinh”.

Giải thích: “Danh, Tướng chẳng sinh tức Cảnh như. Vọng tướng chẳng sinh tức Tâm như. Thấu rõ Tâm như, Cảnh như đó là Chánh trí. Cho nên chỉ Chánh trí cùng Như như tồn tại.

Lại nói “Ngoài Như không có Trí, Thể của Trí tức Như”: Là lại dung hợp hai pháp nêu trên làm một vị. “Ngoài Như không có Trí” tức dùng Như thấu tóm Trí. “Thể của Trí tức Như” là dùng Trí thấu tóm Như. Dung hợp cả hai làm một. Cho nên phần kinh tiếp viết “Không có cái Như ở ngoài Trí là đối tượng hội nhập của Trí” cũng không có cái

Trí ở ngoài Như là chủ thể chứng đắc nơi Như, chính là nghĩa này. Văn nơi bản Sở giải kết luận: “Hai pháp cũng như hư không tĩnh lặng soi chiếu không ngăn ngại”. Tĩnh lặng tức là Như. Soi chiếu tức là Trí. Như mặt trời hợp với hư không, tuy có hai sự mà một Tướng khó phân.

- Sở câu: “Mười lực hàng phục Ma, mười thứ quân Ma đều diệt hết” Trí luận quyển thứ sáu nói:

“Dục là quân thứ nhất của người (Ma).

Ưu sầu là quân thứ hai.

Đói khát là quân thứ ba.

Khát ái là quân thứ tư.

Ham ngủ, nghĩ là quân thứ năm.

Sợ hãi là quân thứ sáu.

Nghi ngờ là quân thứ bảy.

Hàm chứa sự việc độc hại là quân thứ tám.

Tham lợi dưỡng là quân thứ chín.

Tham đắm về danh vọng hư huyền, tự cao, khinh mạn kẻ khác là quân thứ mười.

Quân của người là thế đấy! Hết thấy người trong thế gian cùng tất cả chư thiên không thể phá trừ được. Ta (Phật) dùng trí tuệ tên, Trí tu tập pháp Định làm cung, trừ phá sạch các thứ quân ma của người, như ném cái bình đất vào nước”. Nay cho Ái dục là nước nên nhấn mạnh về điều ấy.

- Sở câu: “Trăm lỗi trống nên âm thanh phát ra do thổi khác nhau” Nghĩa thì có thể nhận biết. Còn sự thì xuất xứ từ sách Trang Tử (Thiên Tế Vật Luận).

- Sở câu: “Ánh sáng mặt trời hợp với hư không”: Văn nơi bản Sở giải gồm ba phần:

Một: Giải thích chung.

Hai: Chia chương giải thích riêng.

Ba: Tổng kết, xứng tán.

- Một: Trước là nêu về dụ. Từ câu: “Trí phù hợp với thật tướng” tiếp xuống là Hợp. Dùng trí hợp với mặt trời. Dùng thật tướng hợp với hư không. “Phù” có nghĩa là phân mà hợp. Trên Thể của thật tướng vốn có ánh sáng trí tuệ, do từ vô thỉ mê lầm, nay mới tỏ ngộ về ánh sáng ấy. Tức là mình gặp lại ánh sáng trí tuệ vốn có từ trước, chẳng phải do soi chiếu nay mới có. Cho nên cùng với thật tướng tuy phân mà hợp. Thật tướng vô biên nên trí cũng vô biên. Như hư không chẳng bờ bến, nên ánh sáng cũng không bờ bến.

Câu: “Tuy từ vô số kiếp tu tập mà thành nhưng hoàn toàn đồng với phần vốn có”: Là dùng văn nơi kệ để lãnh hội về nghĩa. Kệ viết:

*“Ức kiếp tu thành không thể bàn
Tìm biên vực ấy chẳng thể biết”.*

Nghĩa chính là tu tập mà thành. Trí đã không bến bờ thì sao có thể phân mà hợp? Nên ở đây cần giải đáp: “Tuy là tu tập mà thành, nhưng hoàn toàn đồng với phần vốn có”. Vì vậy kinh nêu:

“Thật tướng diễn pháp khiến hoan hỉ”

Văn nơi bản Sở giải kết luận: “Linh diệu cùng tốt, siêu vượt mọi số lượng tức là tu tập mà thành. Tận cùng chỗ vi diệu khó nghĩ bàn tức là phù hợp với phần vốn có. Cũng như Thủy giác đồng với Bản giác, không có chỗ khác nhau của thủy, bản, vì là sự giác ngộ rốt ráo. Tuy nhiên, câu “Linh diệu cùng tốt vượt mọi số lượng” vốn xuất xứ nơi Triệu luận (của Đại sư Tăng Triệu 384-414), là vấn nạn của Lưu Di Dân về bài Bát-nhã Vô tri luận. Đoạn văn ấy đầy đủ là: “Nhưng nay người bình phẩm còn có chỗ nghi đối với tông chỉ cao xa của bài luận, muốn tìm sự khác biệt tâm của bậc Thánh nhân mà cho rằng Linh diệu cùng tốt siêu vượt mọi số lượng. Nhiệm mầu trọn vẹn phù hợp đó ư? Là đem Thể của tâm tự nhiên linh diệu, rộng lặng, một mình cảm được đó ư? Nếu nói linh diệu cùng tốt, siêu vượt mọi số lượng, hết mực vi diệu, âm thầm phù hợp thì tên gọi của Tịch và Chiếu chỉ là thể của Định và Tuệ. Nếu nói là thể của tâm tự nhiên linh diệu rộng lặng một mình cảm được, thì mọi cơ ứng của quần sanh chắc chắn hầu như đã chấm dứt!

Ở đây, ý của người hỏi (Lưu di dân) cho rằng: “Nếu linh diệu cùng tốt... tức là tốt cùng của sự tu tập ở nơi không tu. Linh diệu tốt cùng là Chiếu (soi chiếu). Hết mực vi diệu là tịch (vắng lặng), cũng là định, tuệ của chính mình thì sao lại lập riêng gọi là vô tri? Nếu tâm thể tự nhiên, linh diệu rộng lặng... tức là thể vốn vô tri, cố nhiên là hợp với chỗ ứng dụng của Vô (không). Sao lại nói Bát-nhã vô tri, đối duyên mà soi chiếu?...” Luận chủ đáp lại: “Ý cho rằng: Hết mực vi diệu, âm thầm phù hợp... thì chẳng thể dùng định, tuệ gọi tên. Linh diệu, rộng lặng... thì chẳng thể cho là chỗ ứng hợp với muôn loài đã dứt. Hai lời tuy khác mà diệu dụng luôn là một. Vì chấp theo ý mình thành ra khác, nếu theo đúng ý của Bậc Thánh thì không khác...”

Ghi nhận: Xem lời đáp của Đại sư Tăng Triệu, câu trên cho rằng: “Đã phù hợp sâu xa với Thể, của tâm thì sao có thể dùng định, tuệ để gọi tên. Nếu dùng định, tuệ làm tên gọi thì chưa phù hợp với thể của tâm”. Câu dưới thì ý trả lời: “Linh diệu, rộng lặng... cùng với vi diệu tốt

cùng siêu vượt mọi số lượng, hai nghĩa tương hợp, thì sao có thể cho là sự ứng hợp với muôn loài là dứt? Nên nói: “Hai lời tuy khác mà ở nơi Thánh trí thì không khác”. Nay, nơi bản Sở giải nói chung là không sử dụng ý gốc trả lời vấn nạn kia, mà chỉ mượn trong phần vấn nạn một câu. Tức là: “Sự soi chiếu nẻo linh diệu tận cùng, tốt bậc nơi vận số thì sự vi diệu không đâu là không cùng tận”, chính là hợp với của Tâm.

- Sở câu: “Nay, được nêu ra mười nghĩa để biện giải về chỗ khó nghĩ bàn”: Là phần hai, chia chương để giải thích riêng. Phần này gồm hai:

- Một: Nêu riêng về dụ của mười môn.

- Hai: Từ câu: Dùng mặt trời trí, tuệ soi chiếu tánh không của tâm tiếp xuống: Là thấu tóm, dùng pháp hợp với dụ. Dựa vào dụ để giải thích pháp, nên viết là “Theo đây mà soi xét”.

- Sở câu: “Yên lặng, chẳng động, nhân đây mà xem xét mọi căn cơ”: Câu này tức sách Chu Dịch, Hệ Từ truyện. Văn đầy đủ là: “Dịch không nghĩ ngợi gì cả, không làm gì cả, yên lặng, chẳng động. Nó chỉ cảm mà thấu được các biến cố trong thiên hạ” Nay căn cứ nơi Bản Sở giải mượn lời ấy.

- Sở câu: “Nửa trước của bài kệ thứ nhất biện giải về nhân quả của một tướng”: Văn nơi bản Sở giải được chia làm hai:

- Một: Dung hợp với văn của kinh để biện giải về tướng của mười Thân.

- Hai: Dẫn kinh, luận để biện giải về Tướng của ba Thân.

- Một: Nói: “Thuần, tạp không ngăn ngại, Nhân quả cùng dung hợp”: Rõ ràng là tướng của Như Lai cũng gồm đủ bốn câu:

- Một: Một nhân, một tướng.

- Hai: Một nhân, tất cả tướng.

Đây đều thuộc về môn Thuần.

- Ba: Tất cả nhân, một tướng.

- Bốn: Tất cả nhân, tất cả tướng.

Đây đều thuộc về môn Tạp.

Chính là Thuần mà thường tạp, Tạp mà luôn Thuần, nên gọi là không ngăn ngại. Do tướng của Nhân vô ngại, nên Tướng của Quả cũng vô ngại. Vì vậy đạt được sự thành tựu viên mãn chẳng phải là thành tựu một phần. Do hết thấy Hành thuần tạp, vô ngại, mà thành tựu một Tướng, nên một Tướng ấy tức đồng với Pháp giới. Hướng chi Nhân quả thông hợp thấu triệt. Trong Nhân có quả của vô tận. Trong Quả có Nhân khó bàn.

- Sở từ câu: “Như Nhân của ba mươi hai tướng”: Tiếp xuống: Là phần hai, nêu dẫn để nói về Tướng của ba Thân. Ở đây chỉ nói về Hóa thân mà chỉ chung cho hai Thân còn lại. Trí luận ở nơi quyển ba mươi hai. Luận Du Già ở nơi quyển bốn mươi chín. Kinh Đại Bát Niết-bàn quyển thứ hai mươi chín. Kinh viết: Thiện nam! Nếu Đại Bồ tát giữ giới chẳng lay động, tâm bố thí không đổi dời, an trụ nơi lời nói chân thật như núi Tu di, do nghiệp duyên này nên được Tướng tốt là mặt dưới bàn chân đầy đặn, bằng phẳng. Nếu đại Bồ tát đối với cha mẹ, các bậc Hòa thượng, sư trưởng, cho đến đối với các loài súc sanh, đem của cải đúng pháp cúng dường, cung cấp, do nghiệp duyên này nên được tướng tốt là dưới lòng bàn chân có tướng bánh xe với ngàn căm. Nếu đại Bồ tát chẳng sát sanh, chẳng trộm cướp, đối với cha mẹ, các bậc sư trưởng luôn sanh tâm hoan hỷ, do nghiệp duyên này nên có được ba tướng tốt: Một là ngón tay thon dài, hai là gót chân dài, ba là thân mình vuông thẳng. Ba tướng tốt này là đồng một nghiệp duyên... Nếu đại Bồ tát chẳng Ẩn giấu tài đức của người khác, mà luôn tán dương điều tốt đẹp của họ, do nghiệp duyên này nên được tướng tốt là “bạch hào”. Này Thiện nam! Nếu đại Bồ tát tu tập về nghiệp duyên ba mươi hai tướng tốt như vậy thì đạt được tâm Bồ đề chẳng thối chuyển...”

- Sở câu: “Nhân chính khiến hiển bày hiện ra như kho vàng”: Tức là kinh Niết-bàn, nơi dụ về người con gái nghèo, trong nhà có kho báu.

- Sở câu: “Thấu tỏ về Như chẳng chấp giữ thì tâm dứt tuyệt mọi dao động”: Kinh Kim Cương có câu: “Chẳng chấp giữ nơi Tướng, Như như chẳng động”.

- Sở câu: “Tu di có thể nghiêng đổ nhưng ma há có thể nhiễm loạn”: Là nói về trường hợp tu tập của Thiên sư Tuệ Ngôi theo sách Cao Tăng truyện, truyện chép” Đại sư tu thiền nơi rừng sâu, có một ma ác hiện ra nơi phía trước, ma chỉ có thân, không đầu nhằm khiến cho nhà sư kinh sợ. Nhưng đại sư vẫn an nhiên, lại an ủi ma: “mừng cho người vì không có nỗi đau đớn nơi đầu” Ma lại hiện ra hình có đầu nhưng không có bụng. Đại sư lại nói: “Mừng cho người vì không có nỗi sâu lo của năm tạng”. Như thế cứ biến đi lại hiện ra, rốt cuộc chẳng làm cho đại sư mê hoặc. Ma lại hóa làm một Thiên nữ, nói với đại sư: “Thiên đế sai con đến đây để lo việc quét dọn”. Sư nói: “Tâm ta như đất, khó có thể lay động...” Thiên nữ liền bay lên không, biến mất. Lời tán dương:

“Biển lớn dù cạn

*Tu Di dù nghiêng
Bậc thượng nhân ấy
Chỉ luôn vững bền!”*

Nay dùng một câu, nghĩa ý hoàn toàn giống.

- Sở câu: “Do diệu lực nơi thiện căn từ bi nên phóng ánh sáng từ pháp Tam muội Nguyệt Ái”:

Về “thiện căn từ bi” tức nơi kinh đại Bát Niết-bàn, quyển thứ mười lăm. Kinh viết: “Lại nữa, Thiện nam! Bốn Tâm vô lượng của Bồ tát có thể làm cội gốc cho tất cả mọi thiện căn.” Phần tiếp theo nói rộng về tâm từ thực hành bố thí, phát khởi nguyện lớn xong thì nêu rõ: “Thiện nam! Tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát chư Phật Như Lai, với mọi thiện căn hiện có đều do tâm từ làm cội gốc. Nay Thiện nam! Đại Bồ tát tu tập tâm Từ, có thể sinh khởi vô lượng thiện căn như thế, tức là các pháp quán như Quán bất tịnh v.v... đều từ đây sinh ra.” Phần kết luận nói: “Những pháp như vậy, Tâm từ là cội gốc. Thiện nam! Do ý nghĩa ấy nên từ là chân thật, chẳng phải hư vọng. Nếu có người hỏi cái gì là cội gốc của tất cả thiện căn, thì nên đáp: Đó là tâm Từ. Do ý nghĩa ấy nên Từ là chân thật, chẳng phải hư vọng. Nay Thiện nam! Người có thể khéo thực hành Từ gọi là tư duy thật. Người tư duy đúng thật gọi là tâm từ. Tâm từ tức là Như Lai. Tâm từ tức là Đại thừa. Đại thừa tức là Từ. Từ tức là Như Lai. Nay Thiện nam! Tâm từ là đạo Bồ đề, đạo Bồ đề tức Như Lai. Như Lai tức tâm Từ”.

Đoạn tiếp theo nói rộng về đức của Từ là tất cả các pháp thiện. Nói rộng về đức của Từ: “Như Đề-bà-đạt-đa muốn hại Như Lai, đã khiến vua A-xà-thế thả voi say ra, Như Lai liền nhập pháp định Từ, xoay bàn tay chỉ về phía voi, tức thì ở năm đầu ngón tay hiện ra năm sư tử. Voi say thấy sư tử nên sợ hãi, vội gieo mình sát đất, kinh lễ nơi chân Như Lai. Nay Thiện nam! Lúc đó nơi năm đầu ngón tay của Như Lai thật không có sư tử. Chỉ là do diệu lực từ sự tu tập thiện căn Từ, đã khiến cho voi say kia được điều phục”. Nói rộng về duyên khởi, thấy đều tóm kết quy về “diệu lực nơi thiện căn Từ”.

- Về Phóng ánh sáng từ pháp Tam muội Nguyệt Ái”: Cũng là kinh Đại Niết-bàn, quyển thứ hai mươi, kinh chép: “Bấy giờ đức Thế Tôn ở nơi rừng Sa la song thọ, dùng Phật nhãn thấy vua A-xà-thế ngất xỉu ngã lăn xuống đất. Đức Như Lai là bậc đạo sư đại từ bi nên vì vua A-xà-thế mà nhập Tam muội, Nguyệt Ái, rồi phóng ra hào quang lớn. Ánh sáng này mát mẻ tỏa chiếu đến thân nhà vua khiến mọi mụn nhọt trên thân nhà vua liền lành, mọi sự nóng bức, nhức nhối đều hết”, cho đến đoạn

nhà vua hỏi Kỳ bà: “ Vì sao gọi là pháp Tam muội Nguyệt Ái? Kỳ Bà thưa đáp về sáu nghĩa tương tự:

- Một: Là ví như ánh sáng của mặt trăng có thể khiến cho tất cả các loài hoa Ưu-bát-la nở xoè tươi đẹp. Pháp Tam muội Nguyệt Ái cũng như vậy, có thể khiến cho tâm lành của chúng sinh nở rộ. Vì thế mà gọi là Tam muội Nguyệt Ái.

- Hai: Là ví như ánh sáng trăng có thể khiến cho người đi đêm vui mừng; pháp Tam muội này khiến cho người tu tập đạo giải thoát vui mừng.

- Ba: Là ví như ánh trăng từ đêm mờng một đến đêm rằm, hình sắc, ánh sáng dần dần đầy đủ; pháp Tam muội này cũng khiến cho thiện căn luôn tăng trưởng.

- Bốn: Là ví như ánh trăng từ đêm mười sáu đến ba mươi, hình sắc ánh sáng dần dần giảm bớt; pháp Tam muội này có thể khiến cho phiền não dần dần tiêu diệt.

- Năm: Là ví như ánh trăng có thể dứt trừ mọi sự nóng bức; pháp Tam muội này có khả năng trừ diệt các thứ phiền não tham sân nóng bức.

- Sáu: Là ví như mặt trăng là vua trong các tinh tú, là vị cam lộ bậc nhất, mọi người đều ưa thích; pháp Tam muội Nguyệt ái cũng giống như vậy, là vua trong các pháp thiện, là vị cam lộ bậc nhất, tất cả chúng sinh đều ưa thích.

- Sở câu: “Phật dùng cây kim vàng chánh pháp khai mở mắt trí tuệ”: ý cũng từ nơi kinh Đại Niết-bàn, quyển thứ tám: “Bồ tát Ca Diếp thưa với Phật: “Thế Tôn! Phật tánh ấy, hết mực sâu xa, khó nhận thấy, khó hội nhập như thế nào? Phật dạy: Này Thiện nam! Như trăm người mù tìm đến lương y để chữa trị mắt. Bấy giờ lương y đã dùng cây kim vàng lột màng mắt của họ. Lột xong, giơ ra một ngón tay hỏi: Thấy chăng? Người mù đáp: Tôi vẫn chưa thấy. Lương y lại giơ ra hai ngón tay, ba ngón tay, người mù mới nói rằng mình được thấy một ít. Này Thiện nam! Kinh điển đại Niết-bàn vi diệu này lúc đức Như Lai chưa giảng nói cũng lại như vậy. Vô lượng Bồ tát, tuy đã thực hành đầy đủ các pháp Ba-la-mật cho đến mười Trụ, vẫn còn chưa thể thấy được Phật tánh. Khi Như Lai đã giảng nói mới thấy được chút ít. Các Bồ tát Ma-ha-tát khi đã được thấy rồi, đều nói: Thưa Thế Tôn! Thật hết mực kỳ diệu! Chúng con mãi lưu chuyển thọ vô lượng sinh tử, luôn bị mê loạn về não vô ngã! Này Thiện nam! Bồ tát ở bậc Thập địa như vậy hãy còn chưa thấy được Phật tánh một cách rõ ràng, hướng chi là hàng Thanh

văn, Duyên giác mà có thể thấy rõ được!”

Đại sư Uyển ở Trạch Châu cùng pháp sư Diên đã kết hợp giải thích và bàn rộng về ý nghĩa nơi đoạn kinh nêu trên. Pháp sư Uyển giải thích: Bồ tát thập Địa, mỗi địa tu mười Độ là dụ cho một trăm người mù. Kinh Niết-bàn là dụ cho Kim vàng. Trải qua lần đầu thuyết là dụ chỉ một ngón tay, lần giữa và lần sau cứ thế dụ cho hai và ba ngón tay. Nhưng trong phần hợp tiếp dưới là chưa thấy Phật tánh nên đều giống như người mù trước khi chữa trị. Nếu đều là Kinh và giáo pháp thì Kim và ngón tay chẳng khác nhau. Nếu dùng Niết-bàn làm sở thuyết thì không hợp với dụ, cho nên đây không dựa vào giải thích này. Pháp sư Diên cho rằng: Cây kim vàng là dụ cho giáo pháp. Việc lương y lột bỏ màng mắt của người mù là chỉ cho giáo pháp có khả năng giải thoát cho chúng sinh, dụ cho việc phá trừ vô minh, tức giống ý nơi văn của bản Sở giải. Cho nên đã viết: “Phật dùng cây kim vàng chánh pháp”.

Nhưng nói về “ba ngón tay” là dụ cho ba A-tăng-kỳ, cho đến thập Địa, vì chưa phân biệt rõ nên nói là “chỉ thấy chút ít”. Nếu dựa theo ý của Pháp sư Uyển ở Trạch Châu thì Niết-bàn là cây kim, ba lược thuyết giảng là ba ngón tay. Như căn cứ đầy đủ nơi giáo pháp thì cây kim vàng và ngón tay không khác nhau. Nếu cho Niết-bàn là “sở thuyết” thì lại chẳng thuận hợp với dụ, nên thà dùng ý của pháp sư Diên. Còn tốt hơn. Nói ba A-tăng-kỳ là ba ngón tay cũng thuận hợp với chỗ chỉ rõ trước và sau, cũng thuận với bậc Thập Trụ, cho là mới chỉ thấy một ít. Nay không chọn lấy là vì giải thích kia sẽ cho Phật giảng nói trong một thời chẳng gồm đủ ba lần chỉ ra (ba ngón tay), lại dùng thời để dụ cho chỉ ra, để hoàn toàn giống với Ý chưa thấy Phật tính”. Cho nên nơi bản Sở giải tự giải thích, cho ba đế là ba ngón tay. Chỉ (ngón tay) ở đây là diệu chỉ sâu xa (chỉ thú) nghĩa đã quá rõ ràng. Một thời quán theo chiều ngang (không gian) thì đều quán về ba Đế. Theo chiều dọc (thời gian) đến bậc Thập địa, thì cũng chứng đắc nơi ba đế. Ngón tay thứ nhất tức là chỉ rõ về Tục đế, nói có Tâm thì nhất định sẽ làm Phật vì đều có Phật tánh. Hai là chỉ về Chân đế, là ngón tay thứ hai, cho rằng Phật tánh là Đệ-nhất-nghĩa Không. Ba là, chỉ rõ Trung đạo là ngón tay thứ ba. Kinh viết: Phật tính tức là vô thượng Bồ đề, là chủng tử Trung đạo chẳng phải có như hư không chẳng phải không như sừng thỏ? Nên biết ba đế được dụ ở nơi ba ngón tay.

- Sở câu: “Tổ ngộ, như mặt trời tỏa chiếu tức thì (đốn) hiện khắp pháp giới.” Trong kinh Lăng già có nói đến bốn pháp Tiệm (dần dần) và bốn “Pháp Đốn” (tức thì). Nay chỉ dùng một loại thôi. Kinh nói: Bồ

tát Đại Tuệ bạch Phật: Thế Tôn! Làm thế nào để dứt trừ sạch mọi hiện hành lưu chuyển nơi tự tâm? Là cách dứt trừ ngay (đốn) hay dứt trừ dần dần (Tiệm). Trong phần giải đáp, trước nêu rõ bốn Tiệm, sau thì nói về bốn Đốn. Kinh viết: “Phật nói với Bồ tát Đại Tuệ: Diệt trừ dần dần (Tiệm), chẳng phải là tức thì (đốn)”.

- Một: Như quả Am la dần dần chín, chẳng phải là tức thì. Như Lai diệt trừ dần dần các hiện hành lưu chuyển nơi tự tâm của chúng sinh cũng lại như vậy, dần dần dứt trừ, chẳng phải là trong tức khắc (ở đây là dụ cho bậc mười Tín)

- Hai: Như người thợ đồ gốm tạo ra các vật dùng, dần dần mà thành, chẳng phải là trong tức thì (dụ cho bậc mười Trụ).

- Ba: Như đại địa dần dần sinh ra các vật, chẳng phải là tức thì (dụ cho bậc thập Hạnh)

- Bốn: Như công việc học tập các nghề dần dần thành tựu, chẳng phải tức thì (dụ cho mười Hướng).

Bốn pháp Tiệm (dần dần) nêu trên căn cứ ở chỗ tu tập chưa chứng đắc Lý.

Bốn pháp Đốn (tức thì) tiếp dưới là căn cứ ở chỗ đã chứng đắc Lý.

- Một: Dụ nơi gương sáng tức thì hiện bày. Kinh nói: “Ví như nơi gương sáng hiện bày tức thì tất cả hình tượng màu sắc vô lượng, Như Lai dứt trừ sạch tất cả hiện hành lưu chuyển nơi tự tâm của chúng sinh cũng lại như vậy, tức thì hiện bày pháp giới thanh tịnh, vô tướng, không sở hữu”. (Dụ cho địa thứ nhất đến bảy địa).

- Hai: Dụ về mặt trời mặt trăng tức thì soi chiếu, kinh viết: “Như mặt trời mặt trăng chuyển vận tức thì soi chiếu, hiển bày rõ hết thảy màu sắc hình tượng, Như Lai khiến lìa bỏ mọi lỗi lầm tập khí, hiện hành lưu chuyển nơi tự tâm của chúng sinh cũng lại như vậy, tức thì hiển bày rõ cảnh giới của trí thù thắng chẳng thể nghĩ bàn”. (dụ cho tám địa trở lên).

- Ba: Dụ về Tạng thức tức thì nhận biết, kinh nêu: “ Ví như Tạng thức tức thì phân biệt, nhận biết các hiện hành lưu chuyển nơi tự tâm, cùng cảnh giới của Thân an lập, thọ dụng, mọi sự nương tựa nơi Phật để dứt trừ cũng lại như thế, tức thì hiện bày cảnh giới thuần thực, là trú xứ của chúng sinh, đem những người tu tập đặt yên nơi cõi Trời sắc cứu cánh”. (Đây là dụ cho báo Phật).

- Bốn: Dụ về ánh sáng của Phật tức thì tỏa chiếu. “Ví như chỗ ứng hóa của chư Phật, dựa nơi ánh sáng của Phật tỏa chiếu khắp nẻo

tự giác hướng tới bậc Thánh cũng lại như thế. Ánh sáng kia ở nơi tướng của các pháp, có tánh không tánh, ác kiến, vọng tưởng, cũng đều soi chiếu khiến diệt trừ”. (Cũng dụ về Pháp, Báo. Trước là dụ về thành tựu tức thì).

Nay, nơi bản Sở giải chỉ chọn lấy trong các pháp Đốn nêu trên một dụ về ánh sáng của mặt trời tức thì tỏa chiếu. “Tuy có nêu dụ về gương nhưng chẳng phải là gương sáng soi chiếu tức thì. Chỉ tự dùng dụ về việc lau chùi gương, chính là đồng với đạo lớn”. Thường thường siêng lau chùi, chớ để bụi bặm bám, mà tự đứng thông.

Lại nữa, bốn pháp Tiệm, Đốn nêu trên hầu hết đều dựa nơi quả vị của Địa, xưa nay cùng theo đấy mà giải thích, cũng thuận hợp với văn của kinh. Nay, giải thích chung nơi cả chiều ngang chiều dọc (không gian, thời gian), tức ở trong từng quả vị đều có nghĩa về Đốn. Rõ ràng căn cứ theo chiều ngang (không gian) mà bàn, thì Đốn, Tiệm lại có nhiều nghĩa.

- Một: Đốn ngộ, Tiệm tu (Tu tập dần dần cho người tỏ ngộ tức thì): Như thấy Đài chín tầng thì có thể trông thấy tức thì. Nếu phải leo lên từng bậc thì sau đấy mới lên được. Nay cũng thế, thấy rõ tức thì về tánh của Tâm, tức Tâm là Phật, không pháp nào là không gồm đủ, nhưng cần phải tích chứa công sức, tu tập khắp muôn hạnh, đây là căn cứ nơi “giải ngộ”.

- Hai: Đốn tu Tiệm ngộ (Tu tập tức thì, chứng ngộ dần dần). Tức như lau chùi khắp gương một lúc, nhưng gương trở nên sáng trong, là có sự dần dần (Tiệm). Muôn hạnh tu tập tức thì, nhưng tỏ ngộ thì dần dần (Tiệm) thăng tiến. Đây là căn cứ nơi “chứng ngộ”.

- Ba: Đốn tu, đốn ngộ (Tu tập tức thì, tỏ ngộ tức khắc): Như dùng lưỡi kiếm bén cắt các sợi tơ, thì hàng ngàn sợi tơ trong một lúc bị cắt cùng đứt. Cũng như nhuộm hàng ngàn sợi tơ, một lúc cùng nhuộm cùng thành màu sắc. Cho nên muôn hạnh cùng tu, một lúc tỏ ngộ.

- Bốn: Tiệm tu Tiệm ngộ (Tu tập dần dần, tỏ ngộ dần dần): Cũng như chặt tre, từng đốt, từng khúc chẳng giống nhau. Nghĩa đây thì Kinh này không dùng. Nay nói: “Tỏ ngộ như mặt trời tỏa chiếu”, tức là giải ngộ, chứng ngộ, thấy đều là Đốn (tức thì), là đốn tu, đốn ngộ, công sức như là lau chùi gương, cũng chẳng phải là đốn ngộ tiệm tu, mà là nghĩa đốn tu tiệm ngộ.

Nói: “Sáng tỏ là sáng tỏ nơi gốc vốn có. Tiệm là tiệm của Viên”: Đây là nhằm dung hợp hai pháp nêu trên. Vì sợ có người cho rằng “lau chùi gương chẳng phải là Đốn”. Gương sáng xưa nay vốn thanh tịnh, sao

cần phải làm công việc lau chùi bụi bặm? Nên vì đấy mà cần thông tỏ. Đây là Lục Tổ Huệ Năng hiển bày thẳng về bản tánh phá bỏ con đường tu tập dần dần. Nay vì thuận hợp với kinh nên biện minh chỗ chứng đắc dần dần kia do tu tập, tùy theo chỗ sáng tỏ dần dần là sáng tỏ nơi gốc. Cho nên viết là: “Sáng tỏ gốc vốn là sáng tỏ nơi gốc”, tức trên thể “vô niệm” tự có chân như, chẳng phải riêng có cái biết để nhận biết về thể của tâm.

Nói: “Tiệm là Tiệm của Viên”: Tức ý của Đại sư Trí Giả (538-597) Đại sư đã cho rằng: “Tiệm Tiệm chẳng phải Viên. Viên chẳng phải là Viên của Tiệm”. Nghĩa là nhà chủ trương Tiệm cũng có Tiệm của Viên. Người chủ trương Viên cũng có Tiệm của Viên.

- Tiệm của người chủ trương Tiệm: Như sông ra khỏi núi Mân, bắt đầu ở chỗ phát nguyên, rồi dần dần mới rộng lớn.

- Viên của người chủ trương Tiệm: Như sông lớn chảy dài hàng ngàn dặm.

- Tiệm của người chủ trương Viên: Như đầu tiên mới vào biển tuy là dần dần sâu, nhưng nơi một giọt nước biển cũng đã hơn hẳn sông lớn, huống chi là đã mệnh mông.

- Viên của người chủ trương Viên: Như tận cùng biển rộng không đáy bờ. Cho nên nay cho rằng: “Tiệm là Tiệm người chủ trương Viên cũng còn vượt hơn Viên của người chủ trương Tiệm, huống chi là Tiệm của người chủ trương Tiệm”.

- Sở câu: “Chúng sinh đối nghịch tự chẳng tu đức”: Kinh Thi có câu: “Nội hữu tấn hiền chí chí, nhi vô tiêm bí chi tâm” (Bên trong có chí của người đốc cầu hiền nhưng không có tâm của kẻ đối nghịch), sách Thương Hiệt Thiên giải thích: “Bí: # - nghĩa là đối nghịch”.

- Sở câu: “Như kinh Đại Anh Lạc nói”: Tức nói về thời quá khứ có đức Phật, mỗi khi muốn thuyết giảng chánh pháp đã khiến chúng hội ngũ say.

- Sở câu: “Kinh Niết-bàn cũng nói: Người kia trong giấc mộng thấy hình tượng La-sát”: Tức thuộc quyển thứ chín, phẩm Như lai Tánh “Bồ tát Ca Diếp thưa với Phật: Thế Tôn! Thế nào là người chưa phát tâm Bồ đề mà có được nhân Bồ đề? Phật bảo Bồ tát Ca Diếp: “Nếu có người được nghe kinh Đại Niết-bàn này, không tin, tôi chẳng cần phát tâm Bồ đề, lại hủy báng chánh pháp, người ấy liền ở trong giấc mộng thấy hình La-sát, hết sức sợ hãi. La-sát nói với người ấy: “Này người kia! Nếu nay người chẳng chịu phát tâm Bồ đề thì ta sẽ giết người. Người ấy vì quá sợ hãi nên thức giấc, liền phát tâm Bồ đề. Sau

khi mạng chung, người ấy hoặc ở nơi ba cõi ác cùng sinh trong cõi trời, người, tiếp tục nhớ lại tâm Bồ đề từng phát. Cho nên biết người ấy là bậc Bồ tát Ma-ha-tát”.

- Sở câu: “Tu tập từ bi, hộ trì chánh pháp nên có được thân Kim cương”: Tức cũng là ý nơi kinh Niết-bàn. Quyển thứ ba, Bồ tát Ca Diếp nêu câu hỏi: “Thế nào là được trường thọ? Có được thân kim cương chẳng bị hủy hoại?” Nên dùng nơi phẩm Trường Thọ đáp lại câu hỏi về trường thọ, là do không sát sinh cùng cúng dường thức ăn cho tăng chúng. Lại dùng Phẩm Kim Cương Thân để trả lời câu hỏi về Thân Kim cương chẳng bị hủy hoại, là do nơi nhân dốc lòng hộ trì chánh pháp.

Kinh Đại Bát Niết-bàn, phần đầu nêu rõ về nghĩa thân kim cương, nói: Bấy giờ, Thế Tôn lại bảo Bồ tát Ca Diếp: “Nầy Thiện nam! Thân Như Lai là thân thường trụ, thân chẳng thể bị hủy hoại, thân kim cương, chẳng phải là thân tạp thực, tức là pháp thân”. Cho đến Bồ tát Ca Diếp nêu vấn nạn, tiếp theo là đức Như Lai giải đáp rộng về tướng của thân kim cương. Đoạn sau, Bồ tát Ca Diếp nêu ra Nhân, thưa: “Kính bạch đức Thế Tôn! Pháp thân của Như Lai là Kim cương chẳng bị hủy hoại, mà con chưa rõ về chỗ tạo nhân là như thế nào? Phật bảo Bồ tát Ca Diếp: “Do nhân duyên hay dốc lòng hộ trì chánh pháp, nên thành tựu được thân kim cương này. Nầy Ca Diếp! Do vì từ thời xa xưa, Như Lai đã hết lòng hộ trì chánh pháp, nên nay mới được thân Kim cương chẳng thể bị hủy hoại. Nầy Ca Diếp! Người hộ trì chánh pháp cho dù chẳng thọ năm giới, chẳng tu tập về uy nghi, mà phải dốc sức cầm lấy đủ thứ binh khí để giữ gìn, bảo vệ các bậc Tỳ kheo giữ giới thanh tịnh...” Đoạn sau đây nói rộng về tướng của việc hộ trì chánh pháp, đã dẫn chuyện cũ: “Về thời quá khứ xa xưa, nơi thành Câu Thi này có Phật ra đời hiệu là Hoan Hỷ Tăng Ích Như Lai... Vào thời mạt pháp có vị Tỳ kheo hiệu là Giác Đức đã có thể găm lên tiếng rống của Sư tử, nên bị các Tỳ kheo phá giới dùng đao gậy bức hại. Thời ấy có Quốc vương tên là Hữu Đức, đã cùng đánh nhau với đám Tỳ kheo phá giới kia khiến khắp thân mình bị nhiều thương tích. Tỳ Kheo Giác Đức tán thán nhà vua. Nhà vua nghe pháp xong tức thì mạng chung, liền sinh về cõi nước của cõi Phật A Súc, làm người đệ tử thứ nhất của Phật này. Tỳ Kheo Giác Đức về sau mãn phần cũng được sinh về cõi ấy, làm người đệ tử thứ hai...” Nên biết công đức của “Chủ thể hộ trì” cao hơn “Đối tượng được hộ trì”.

Đại sư Đạo Sinh giải thích về “Thân Kim cương” đã nói: “Trường thọ cùng với Kim cương đều cùng nói về thân một tướng sáu của Phật. Song có chỗ khác nhau của trong ngoài. Trường thọ là dấu vết của sự

ứng hiện bên ngoài. Kim cương là cái thật của sự soi chiếu bên trong”. Cái thật tỏa chiếu là Thế viên mãn nên không còn giới hạn. Thế thì trường thọ, kim cương nghĩa đều chung cho cả trong ngoài, mà thân sắc vàng thì hiện diệt độ. Do cái thật tỏa chiếu là thường, thật thì hình sắc hết mực vi diệu, cũng là thường hằng bất biến. Rõ ràng trường thọ là đối nơi thân yếu vấn, của Phạm phu kim cương là đối với thân dễ bị hư hoại của hàng phạm phu. Do vậy, không dài không ngắn mới là trường thọ. Chẳng phải là thật, chẳng phải là hư mới gọi là kim cương. Nhưng xét về Nhân là do hộ trì chánh pháp hộ trì chánh pháp khiến chánh pháp tồn tại lâu dài, là hộ trì pháp thân. Nay, văn nơi bản Sở giải viết “tu tập từ bi, hộ trì chánh pháp” thì “hộ trì chánh pháp” là văn nơi kinh Niết-bàn, còn “Tu tập từ bi” là ý của kệ hiện tại.

- Sở câu: “Giáo, Lý, Hành, Quả đều có hộ trì.” Tức như có kẻ hủy báng giáo pháp thì chẳng tiếc thân mạng để chống lại, giữ gìn là hộ trì về Giáo. Đạt được diệu chỉ khế hợp với Lý tức là hộ trì về Lý. Tu tập, hành trì không hề thiếu sót là hộ trì về Hành. Ba sự hộ trì ấy như hộ trì quả vị viên mãn của bậc chánh giác tức là hộ trì về Quả.

- Sở câu: “Vốn mê lầm từ vô thủy, cũng như người mù bẩm sinh, tuy nghe các thí dụ, rốt cuộc cũng không biết về sữa:” tức cũng xuất xứ từ kinh Niết-bàn. Tuy nhiên, kinh Niết-bàn gồm có hai đoạn văn.

- Một: Thuộc quyển thứ hai mươi tám, nêu rõ về tám dụ rồi nói rằng: “Thiện nam! Phạm nêu dẫn ví dụ chẳng cần phải lấy trọn hết. Hoặc lấy phần ít, hoặc lấy phần nhiều, hoặc lấy toàn phần. Như nói khuôn mặt của Như Lai đầu đặn như trăng tròn. Đây gọi là lấy phần ít. Ví như người mù chưa hề thấy sữa, hỏi người khác: Sữa thì giống với vật gì? Người kia đáp: Như nước, mật và vỏ ốc. Nước thì tương ẩm ướt. Mật thì vị ngọt, còn vỏ ốc thì có màu sắc. Tuy dẫn ba ví dụ nhưng chưa biết được đúng về sữa”.

- Hai: Thuộc quyển thứ mười bốn (Nam bản là quyển mười ba). Dụ về các hàng ngoại đạo không biết về Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, đã dùng bốn thứ dụ là vỏ ốc, hạt gạo trắng, tuyết và chim Hạc. Kinh viết: “Như người mù bẩm sinh chẳng biết về màu sắc của sữa, bèn hỏi người khác là màu sắc của sữa giống với thứ gì? Người kia đáp: Màu của sữa trắng như vỏ ốc... Người mù bẩm sinh ấy, tuy đã nghe về bốn thứ dụ (vỏ ốc, hạt gạo trắng, tuyết và chim hạc trắng) nhưng rốt cuộc chẳng thể biết được màu sắc thật của sữa”.

Giải thích: Vỏ ốc có thể dụ cho Thường. Hạt gạo trắng dụ cho Lạc. Tuyết có thể dụ cho Tịnh, còn chim hạc thì dụ cho Ngã. Tuy nhiên,

ba thí dụ trước nêu trong kinh, người nghe đều theo đấy mà lãnh hội, còn dụ về chim Hạc thì lược bớt, không có sự lãnh hội... rõ ràng là bốn dụ ấy đều là cảnh giới của mắt. Người mù bẩm sinh kia chỉ tiếp xúc qua Thân, thì sao có thể biết được cảnh giới của mắt? Nên chẳng phải chỉ là hàng ngoại đạo không biết về bốn đức, mà nếu mắt Trí chưa được khai mở thì tham dục che mờ nẻo chứng đắc, đâu khác gì kẻ mù bẩm sinh tiếp xúc với bốn cảnh giới kia.

- Nói: “Chỉ Phật xuất hiện ở đời mới có thể thông tỏ.” Tức chỉ rõ bốn đức xuất thế là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh khi mắt trí được khai mở thì sẽ được thấy rõ ràng.

- Sở câu: “Mộng là thần du hành.” Là nói về “chuyện cũ” của vua Hán Vũ Đế. Chuyện chép: “Ngày trước, vua Hán Vũ đế muốn thử tài của người đứng đầu trong việc giải mộng, bèn nói dối là mình nằm mộng: Trăm năm mộng thấy trên điện có hai tấm ngói hóa ra một đôi chim uyên ương, bay lên hư không đi mất. Vậy đó là điềm gì? Người đứng đầu việc giải mộng thưa: Trong cung ắt có chuyện chém giết nhau gây ra chết chóc dữ dội. Vua nói: Người nói đùa chằng? Nói chưa dứt lời, quan Giám Ty vào tâu: Người trong cung vừa giết nhau. Vua bảo; Trăm thật sự không có nằm mộng mà có cố sự như vậy là sao? Thưa: Mộng là thần du hành Bệ hạ muốn nói ra, tức là mộng vậy.

Sở câu: “Cũng thấy nghe về khí phần.” Tức nơi Trí luận trong phần nói về năm thứ mộng, thì thấy nghe nhiều nên cũng nằm mộng. Năm thứ mộng là

- Một: Tiếp xúc với khí nóng nhiều nên cũng nằm mộng về lửa.

- Hai: Tiếp xúc với khí lạnh nhiều nên có mộng về nước.

- Ba: Tiếp xúc nhiều với khí của gió nên có mộng bay lên không.

- Bốn: Thấy nghe nhiều cũng nằm mộng.

- Năm: Thiên thần cảm ứng nên nằm mộng.

- Sở câu: “Như Ca Chiên Diên vì đệ tử nên hiện ra cảnh giới mộng.” Luận Trang nghiêm nói: Ca Chiên Diên có một người đệ tử, là vua My-hy-la, đã từ bỏ ngôi vị vua xuất gia học đạo, ở trong rừng núi tu tập hành trì. Có một ông vua của nước láng giềng tên là A-bàn-địa, nhân đi săn bắn nên đến núi ấy. Trong lúc vua A-bàn-địa ngủ say, thì đám cung nhân bèn đi tới chỗ vị Tỳ kheo vốn là vua kia, vị Tỳ kheo đã vì họ mà giảng nói kinh pháp. Vua A-bàn-địa thức dậy, cho vị Tỳ kheo kia đã dụ dỗ đám cung nhân của mình, bèn dùng roi ngựa đánh đập vị Tỳ kheo ấy. Tỳ kheo này bị đau đớn nên sinh tâm oán hận, cho rằng

mình không vi phạm gì cả, thật phi lý vì phải bị nhục, bèn muốn trở về với ngôi vị vua cũ để đánh sang nước của A-bàn-địa. Thầy khuyên giải cũng không nghe, nên bảo hãy lưu lại một đêm. Đêm ấy, Ca Chiên diên thị hiện cảnh mộng, trong giấc mộng, vua My-hy-la thấy mình trở về nước cũ, được muôn dân nghinh đón, tôn lên làm vua, cùng với các đại thần bàn luận, cử binh sang đánh nước kia để trả thù. Nhưng rồi bị thua trận, lạc đường, bị kẻ địch bắt được, sắp đem chém đầu, hốt nhiên gặp Thầy mình. Vị thầy nói: Nơi cái khổ trước ta đã khuyên giải vậy mà chẳng nghe lời! Vua My-hy-la trong giấc mộng đã gào khóc, kêu với Thầy mình: Xin đại sư cứu mạng! Tiếng kêu thất thanh liền thức giấc, nước mắt đầm đìa thưa với thầy: Con không trở lại nhà nữa! Đó là Ca chiên diên đã dùng phương tiện thiện xảo. Giáo hóa trong lúc thức không được như giáo hóa trong mộng thì thành tựu.

- Sớ câu: “Không, chẳng phải chỉ là rộng không:” Ý cho rằng: Chẳng phải là không có muôn vật cư ngụ là hư không. Phẩm Xuất Hiện có câu. “Ví như hư không biến hiện khắp tất cả các cõi sắc, chẳng phải sắc”.

Nói: “Trụ chẳng phải là trụ nơi một phần, cảnh giới cũng biến hiện khắp:” Như Lai ví phỏng ở trong một cảnh giới cũng biến hiện khắp toàn pháp giới rộng lớn, thân tướng đều hiện đủ. Nêu lên cái không nơi hạt cải để chứng minh như đã dẫn ở trước.

- Sớ câu: “Quả báo được đạo là năm thứ thường hằng:” Văn nơi bản Sớ giải đã nêu dẫn đủ, tức kinh Đại Niết-bàn quyển thứ hai nói về việc Thuần đà cúng dường thức ăn cho Phật. Phần sau, trong đoạn nói về hồi hướng Bồ thí thức ăn sẽ biện minh, diễn rộng.

- Sớ câu: “Thọ phước báo vô tận:” cũng là sự việc về Thuần Đà, tức kinh Niết-bàn quyển thứ ba mươi mốt. Bồ tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Như trước kia đức Thế tôn đã nói với Thuần đà: Ông nay đã thấy được Phật tánh, được đại Niết-bàn, thành tựu đạo quả vô thượng Bồ đề, nghĩa ấy thế nào? Bạch Thế Tôn! Như Phật đã dạy, bố thí cho hàng súc sanh thì đạt được phước báo hơn trăm lần hơn”... cho đến nói “Bố thí cho bậc Bồ tát bất thối chuyển, cùng các bậc đại Bồ tát thân sau cùng. Như Lai, Thế Tôn, thời phước báo đạt được là vô lượng vô biên, chẳng thể lường tính, chẳng thể nghĩ bàn. Đại sĩ Thuần đà như đã thọ vô lượng phước báo như vậy phước báo ấy đã vô tận, thế thì đến lúc nào ông sẽ thành tựu đạo quả vô thượng Bồ đề?” Từ đấy trở xuống là nói rộng về tướng của sự bố thí, phần tiếp theo, đức Phật đáp lại câu hỏi kia, ý nói: Như câu hỏi vừa nêu, phước báo của Thuần Đà là vô tận,

tức là Thể nơi phước của thế gian. Tuy nhiên nghiệp có nhiều thứ, sự thọ nhận không hẳn là cố định, tùy theo chỗ tạo tác của con người, ngu trí cùng khác nhau. Nay Thuần Đà là hàng Đại trí mục đích thực hiện nghiệp bố thí này chỉ vì cầu đạo Bồ đề và lợi ích chúng sanh, thì sao có thể thọ báo của Trời, người chẳng đặng quả Bồ đề ư! Huống là những nghiệp làm ra đây, và sự thọ nhận quả báo đều là thị hiện dấu tích hoặc thiện hoặc ác, chứ không phải sau đời này nhận lấy nghiệp báo kia.

Phần tiếp theo là nói rộng các loại nghiệp định, bất định, ngu trí khinh trọng. Tất cả Thánh nhân vì phá bỏ định nghiệp, mà được quả báo nhẹ. Nghiệp bất định không có quả báo thì báo ấy là vô tận, là căn cứ ở sự thế gian. Ở đây văn nơi bản Sở giải vì thuận hợp với ý thầy lia sự bản cùng nên dẫn việc thọ nhận phước báo vô tận nơi thế gian.

- Sở câu: “Chân vọng cùng nương theo, sau trước khó tận cùng”: Như nói trước vọng sau chân thì chân có khởi đầu. Nếu cho trước chân sau vọng thì vọng do cái gì mà sinh? Như vọng dựa nơi chân đấy khởi thì chân cũng chẳng phải là chân. Nếu thể của vọng tức chân thì vọng cũng là vô thủy. Vì nhằm phá trừ sự dấy chấp về khởi đầu (Thủy) nên nói không có khởi đầu (vô thủy). Thủy đã không tồn tại thì chung (sau rốt) theo cái gì mà lập? Đã không rốt cuộc, không có khởi đầu thì há có khoảng giữa? Nên Trung Luận viết:

*“Bậc Đại Thánh nêu giảng
Bản tế chẳng thủ đắc
Sinh tử không có đầu
Cũng lại chẳng rốt cuộc
Nếu chẳng có đầu cuối
Khoảng giữa sao có được
Vì thế ở trong ấy
Sau trước cũng đều không”.*

Chân, vọng, cả hai cùng mất mới nói là chân, vọng. Chân vọng thông hợp, thấu triệt thì sao xác định được đầu mối?

- Sở câu: “Nghe nói về không cho là không thì chìm đắm vào trôi nổi quanh quẩn: Nói chung về nghĩa sâu xa, đó là không, do không là không. Tuy sâu xa mà dễ chìm đắm. Ba câu (ba luận chứng) còn lại cũng như thế. Chẳng chấp giữ nơi tướng không thì chẳng bị chìm đắm. Vì sao? Vì tướng của không là chẳng thể nắm bắt. Nếu lại thấy có - không thì đây là chỗ chư Phật chẳng giáo hóa. Cho nên không tức là có. Có v.v... cũng như thế.